

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1225/QĐ-UBND

Nam Định, ngày 30 tháng 6 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển
tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 49/2014/QH13 ngày 18/6/2014;

Căn cứ Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành Quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh;

Căn cứ Công văn số 78/TTg-KTTH ngày 16/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ về Chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu SP-RCC;

Căn cứ Thông tư số 69/2011/TT-BNNPTNT ngày 21/10/2011 của Bộ Nông nghiệp & PTNT hướng dẫn thực hiện một số nội dung quy chế quản lý đầu tư xây dựng công trình lâm sinh ban hành kèm theo Quyết định số 73/2010/QĐ-TTg ngày 16/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 10/2013/TTLT-BNNPTNT-BKHĐT ngày 01/02/2013 của liên Bộ Nông nghiệp & PTNT, Kế hoạch & Đầu tư hướng dẫn quản lý, sử dụng vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước thực hiện Kế hoạch bảo vệ và phát triển rừng giai đoạn 2011 - 2020 theo Quyết định số 57/QĐ-TTg ngày 09/01/2012 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 03/2013/TTLT-BTNMT-BTC-BKHĐT ngày 05/3/2013 của liên Bộ Tài nguyên & Môi trường, Bộ Tài chính, Bộ Kế hoạch & Đầu tư về việc hướng dẫn cơ chế quản lý nguồn vốn Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu;

Căn cứ Công văn số 1101/BKHĐT-TH ngày 02/3/2015 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về hướng dẫn phê duyệt chủ trương và quyết định đầu tư chương trình, dự án đầu tư công;

Căn cứ Công văn số 1421/BKHĐT-TH ngày 16/3/2015 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về việc hoàn thiện thủ tục đầu tư các dự án chưa đủ thủ tục giao vốn kế hoạch năm 2015;

Căn cứ Công văn số 3734/BNN-TCLN ngày 15/5/2015 của Bộ Nông nghiệp & PTNT về việc thẩm định kỹ thuật, đơn giá và mức đầu tư Dự án bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển giai đoạn 2015 - 2020;

Căn cứ Công văn số 3925/BKHĐT-KHGD TNMT ngày 19/6/2015 của Bộ Kế hoạch & Đầu tư về thẩm định nguồn vốn ngân sách trung ương cho dự án SP-RCC;

Căn cứ Văn bản số 101/HĐND-TT ngày 29/6/2015 của Thường trực HĐND tỉnh về việc cho ý kiến về Báo cáo chủ trương đầu tư dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020;

Xét nội dung tại: Báo cáo số 144/BC-SNN ngày 30/6/2015 và Tờ trình số 202/TTr-SNN ngày 30/6/2015 của Sở Nông nghiệp & PTNT; Báo cáo số 506/BC-SKHĐT ngày 30/6/2015 của Sở Kế hoạch & Đầu tư về kết quả thẩm định dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020, với các nội dung sau:

1. Tên dự án: Bảo vệ và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định giai đoạn 2015 - 2020.

2. Chủ đầu tư: Sở Nông nghiệp & Phát triển nông thôn tỉnh Nam Định.

3. Đơn vị tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên VIETFOREST.

4. Mục tiêu đầu tư: Trồng mới, khôi phục và phát triển rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định, nhằm hạn chế tác động của biến đổi khí hậu toàn cầu, nước biển dâng; chắn sóng, gây bồi lấn biển, bảo vệ đê biển, phòng chống thiên tai; tăng cường đảm bảo an toàn cho cộng đồng dân cư ven biển; tôn tạo vẻ đẹp cảnh quan góp phần cải thiện, nâng cao môi trường sinh thái; tạo việc làm, tăng thu nhập, nâng cao đời sống của người làm nghề rừng, góp phần xóa đói giảm nghèo, phát triển kinh tế xã hội; tăng cường bảo vệ an ninh biên giới ven biển, đảm bảo an ninh quốc phòng của địa phương.

5. Nội dung và quy mô đầu tư

Trồng mới, chăm sóc, bảo vệ và phục hồi rừng phòng hộ ven biển tỉnh Nam Định tại các khu vực bãi bồi ven biển, các cửa sông và các bãi cát ven biển với diện tích là 324,11 ha, trong đó:

a. Huyện Giao Thủy

Trồng 163,51 ha rừng ngập mặn, gồm 15 lô (lô 1: 1,94 ha; lô 2: 0,39 ha; lô 3: 1,63 ha; lô 4: 2,55 ha; lô 5: 3,85 ha; lô 6: 4,08 ha; lô 7: 2,20 ha; lô 8: 2,71 ha; lô 9: 4,29 ha; lô 10: 3,31 ha; lô 11: 0,81ha; lô 12: 23,24 ha; lô 13: 28,75ha; lô 14: 29,96 ha và lô 15: 53,80 ha); cụ thể:

- Các lô 1: 1,94 ha; lô 2: 0,39 ha; lô 3: 1,63 ha; lô 4: 2,55 ha; lô 5: 3,85 ha; lô 6: 4,08 ha; lô 7: 2,20 ha; lô 8: 2,71 ha; lô 9: 4,29 ha; lô 10: 3,31 ha; lô 11: 0,81ha:

Trồng hỗn loài Trang và Bần theo tỷ lệ 1:1 (1 Trang, 1 Bần), mật độ 3.333 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 1,5m). Hồ đào trồng Trang, trồng Bần đều có kích thước (0,5x0,5x0,5)m. Cây giống loài Trang, cao $\geq 0,6$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (15x15x15)cm. Cây giống loài Bần cao $\geq 1,1$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (30x30x30)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

- Các lô 12: 23,24 ha; lô 13: 28,75ha: Trồng hỗn loài Trang và Bần theo tỷ lệ 1:1 (1 Trang, 1 Bần), mật độ 2.500 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 2m). Hồ đào trồng Trang, trồng Bần đều có kích thước (0,5x0,5x0,5)m. Cây giống loài Trang, cao $\geq 0,6$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (15x15x15)cm. Cây giống loài Bần cao $\geq 1,1$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (30x30x30)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

- Các lô 14: 29,96 ha và lô 15: 53,80 ha: Trồng thuần loài Trang, mật độ 3.333 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 1,5m). Hồ đào kích thước (0,5x0,5x0,5)m. Cây giống cao $\geq 0,6$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (15x15x15)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

b. Huyện Hải Hậu

- Trồng 18,69 ha Phi lao, gồm 09 lô (lô 1: 2,92 ha; lô 2: 0,78 ha; lô 3: 0,65 ha; lô 4: 2,83 ha; lô 5: 5,33 ha; lô 6: 3,87 ha; lô 7: 0,38 ha; lô 8: 0,99 ha và lô 9: 0,94 ha).

- Các lô đều trồng thuần loài Phi lao, mật độ 2.500 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 2m). Hồ đào kích thước (0,3x0,3x0,3)m. Cây giống cao từ (1,2÷1,5)m, đường kính gốc từ (1,0÷1,5)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc từ (1,0÷1,5)m, đường kính cọc từ (2÷3)cm.

c. Huyện Nghĩa Hưng

Trồng 141,91 ha rừng ngập mặn, gồm 04 lô (lô 1: 29,85 ha; lô 2: 41,16 ha; lô 3: 58,34 ha và lô 4: 12,56 ha); cụ thể:

- Lô 1: 29,85 ha Trồng hỗn loài Trang và Bần theo tỷ lệ 1:1 (1 Trang, 1 Bần), mật độ 2.500 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 2m). Hồ đào trồng Trang, trồng Bần đều có kích thước (0,5x0,5x0,5)m. Cây giống loài Trang, cao $\geq 0,6$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (15x15x15)cm. Cây giống loài Bần cao $\geq 1,1$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (30x30x30)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

- Lô 2: 41,16 ha: Trồng hỗn loài Trang và Bần theo tỷ lệ 1:1 (1 Trang, 1 Bần), mật độ 3.333 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 1,5m). Hồ đào trồng Trang, trồng Bần đều có kích thước (0,5x0,5x0,5)m. Cây giống loài Trang, cao $\geq 0,6$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (15x15x15)cm. Cây giống loài Bần cao $\geq 1,1$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (30x30x30)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

- Lô 3: 58,34 ha: Trồng thuần loài Trang, mật độ 3.333 cây/1ha (hàng cách hàng 2m, trong hàng cây cách cây 1,5m). Hồ đào kích thước (0,5x0,5x0,5)m. Cây giống cao $\geq 0,6$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (15x15x15)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

- Lô 4: 12,56 ha: Trồng thuần loài Bần, mật độ 1.600 cây/1ha (hàng cách hàng 2,5m, trong hàng cây cách cây 2,5m). Hồ đào kích thước (0,5x0,5x0,5)m; cây giống cao $\geq 1,1$ m, đường kính gốc $\geq 1,5$ cm, kích thước bầu (30x30x30)cm. Khi trồng, mỗi cây được neo giữ bằng 01 cọc chống xiên buộc vào thân cây, chiều dài cọc khoảng 1,5m, đường kính cọc từ (1,8÷3)cm.

6. Địa điểm thực hiện dự án: Thuộc địa phận 3 huyện Giao Thủy, Hải Hậu và Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định.

7. Tổng mức đầu tư:

86.922.193.000 đồng

STT	Hạng mục chi phí	Thành tiền (đồng)
1	Chi phí trồng rừng	64.367.407.000
2	Chi phí biển báo, cột mốc	267.395.000
3	Chi phí chung	3.231.740.000
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	3.732.660.000
5	Thuế giá trị gia tăng	2.170.667.000
6	Chi phí trang thiết bị	1.937.000.000
7	Chi phí quản lý dự án	1.567.610.000
8	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.955.509.000
9	Chi phí dự phòng	7.109.512.000
10	Chi phí khác	582.693.000
Tổng mức đầu tư		86.922.193.000

8. Nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), bao gồm phần vốn nước ngoài (giải ngân ODA); ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác; cụ thể như sau:

STT	Hạng mục chi phí	Tổng cộng (đồng)
	Tổng cộng	86.922.193.000
A	Phần vốn ngân sách trung ương của Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC), bao gồm phần vốn nước ngoài (giải ngân ODA)	86.339.500.000
1	Chi phí trồng rừng	64.367.407.000
2	Chi phí biển báo, cột mốc	267.395.000
3	Chi phí chung	3.231.740.000
4	Thu nhập chịu thuế tính trước	3.732.660.000
5	Thuế giá trị gia tăng	2.170.667.000
6	Chi phí trang thiết bị	1.937.000.000
7	Chi phí quản lý dự án	1.567.610.000
8	Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng	1.955.509.000
9	Chi phí dự phòng	7.109.512.000
B	Phần vốn ngân sách tỉnh và các nguồn vốn hợp pháp khác	582.693.000
1	Chi phí khác	582.693.000

9. Loại dự án: Dự án lâm nghiệp, nhóm B.

10. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2015 - 2020.

11. Hình thức quản lý dự án: Chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký;

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Thủ trưởng các đơn vị: Sở Kế hoạch & Đầu tư, Sở Nông nghiệp & PTNT, Sở Tài chính, Kho bạc Nhà nước tỉnh, UBND các huyện: Giao Thủy, Hải Hậu, Nghĩa Hưng và các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Các Bộ: KH&ĐT, TC; (đề b/c)
- Thường trực HĐND tỉnh; (đề b/c)
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh; (đề b/c)
- Như Điều 2;
- Lưu: VP1, VP3. /

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Nguyễn Việt Hưng